B. 排排看：請寫出順序正確的句子。
pái pái kàn qǐng xiě chū shùn xù zhèng què de jù zi

Arrange the words and phrases provided below to make good sentences.

1.

生肖　什麼　有　知道　是　誰

→ _____

2.

年份的　動物　生肖　十二種　是代表

→ _____

3.

從來　聽過　我　以前　十二生肖　沒

→ _____

4.

比我小　所以　你　羊　屬　兩歲

→ _____

LIVEWORKSHEETS

C. 下圖是班上同學的生肖，請看圖回答問題，並念出對話。
xià tú shì bān shàng tóng xué de shēng xiào qǐng kàn tú huí dá wèn tí bìng niàn chū duì huà

These pictures show some class members' Chinese zodiac signs. Use them to answer the questions, and then read the sentences you make out loud.

1. Q：凱文今年八歲，他屬什麼？
kǎi wén jīn nián bā suì tā shǔ shén me

A：_____。

☆ Read and color in the star.

2. Q：老師今年三十歲，她屬什麼？
lǎo shī jīn nián sān shí suì tā shǔ shén me

A：_____。

☆ Read and color in the star.

3. Q：麗安比明真小一歲，那麼麗安屬什麼？
lì ān bǐ míng zhēn xiǎo yī suì nà me lì ān shǔ shén me

A：_____。

☆ Read and color in the star.

4. Q：明真的媽媽比明真大二十四歲，那麼明真的媽媽屬什麼？
míng zhēn de mā ma bǐ míng zhēn dà èr shí sì suì nà me míng zhēn de mā ma shǔ shén me

A：_____。

☆ Read and color in the star.

LIVEWORKSHEETS